

Bản án số: 121/2025/HS-PT

Ngày 26-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Minh Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 và 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 44/2025/TLPT-HS ngày 28 tháng 02 năm 2025, do có kháng cáo của bị cáo Phan Minh Q đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HSST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phan Minh Q, sinh năm 1990, tại tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú: Khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: 01/12; con ông Phan Thành T, sinh năm: 1964 và bà Khưu Thị T1, sinh năm: 1964; Bị cáo có 05 anh em, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1997, bị cáo là con thứ 3.

Tiền án: Ngày 12/3/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xử phạt 10 năm 08 tháng tù về tội Cướp tài sản và Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/9/2021.

Tiền sự: Ngày 29/11/2023, bị cáo bị Công an thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt hành chính 5.000.000 đồng về hành vi “Mang theo trong người hoặc tàng trữ, cất giấu các loại vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ hoặc các loại công cụ, phương tiện khác có khả năng sát thương; đồ vật, phương tiện giao thông nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác”. Nộp phạt xong ngày 29/11/2023.

Ngày 01/02/2024, bị cáo bị bắt tạm giam, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Tiến Thiên T2 và bà Trần Thị Hải Y – Luật sư Văn phòng luật sư Phạm Thiên T2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 bị hại, 02 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án do không kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào các ngày 21/8/2023 và 27/10/2023, Phan Minh Q và đối tượng tên T3 (không rõ nhân thân lai lịch) cùng nhau đi cướp tài sản, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Chiều ngày 21/8/2023, Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Raider màu xanh (xe do Q mượn của bạn tên T4, không rõ lai lịch) chở T3 chạy trên đường M theo hướng từ huyện B, tỉnh Bình Dương đến thành phố T tìm tài sản chiếm đoạt. Khoảng 17 giờ cùng ngày, khi đến đoạn đường thuộc khu phố D, phường C, thành phố B, cả hai phát hiện chị Nguyễn Thị Bích T5 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 95B1-485.29 chở chị Nguyễn Thị Cẩm H ngồi sau, chạy phía trước cùng chiều đến khu công nghiệp M để làm công nhân ca đêm. Q liền điều khiển xe chạy từ phía sau tới, kè ép sát, dùng chân đạp xe mô tô biển số 95B1-485.29 làm xe cùng chị T5 và chị H té ngã xuống lề đường. Lúc này, T3 nhảy xuống xe, chạy lại chỗ xe mô tô biển số 95B1-485.29 thì chị T5 đứng phía trước xe chặn lại, T3 liền tát 01 cái vào mặt chị T5 làm chị T5 sợ nên không dám chống cự. T3 đi lại dựng xe mô tô biển số 95B1-485.29 điều khiển chạy đi, còn Q điều khiển xe Raider chạy theo sau về nhà trọ của Q tại khu vực quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, T3 mở cốp xe mô tô biển số 95B1-485.29 lấy ra 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 95B1-485.29 và 01 căn cước công dân tên Nguyễn Thị Bích T5 đưa cho Q. Đến khoảng 08 giờ ngày 22/8/2023, Q đem xe mô tô biển số 95B1-485.29 đến cửa hàng dịch vụ cầm đồ 368, địa chỉ: Số C, Hương lộ C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh gặp anh Hoàng Hải G của tiệm cầm đồ nói là xe của chị của Q muốn cầm cố. Sau đó, anh G yêu cầu Q đưa căn cước công dân của Q và căn cước công dân của chị T5 để chụp hình lại, mới nhận cầm cố thì Q đồng ý. Anh G viết giấy cầm cố và đưa cho Q tiền 10.000.000 đồng. Tiền cầm xe có được, Q chia cho T3 5.000.000 đồng, còn lại Q tiêu xài hết.

Cùng ngày, chị T5 đến Công an phường C trình báo vụ việc. Sau đó, vụ việc được chuyển giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thụ lý theo thẩm quyền.

Sau khi nhận cầm cố xe mô tô biển số 95B1-485.29, đến hạn Q không đến đóng lãi nên khoảng tháng 12/2023 anh Hoàng Hải G bán xe lại cho anh Vũ Văn V với số tiền 14.000.000 đồng. Ngày 09/01/2024, anh Vũ Văn V liên hệ gặp chị

Nguyễn Thị Bích T5 để làm giấy tờ sang tên xe thì chị T5 báo Công an phường C mời anh V làm việc.

Theo Kết luận định giá số 127/KL-HĐĐGTS ngày 11/9/2023 của Hội đồng định giá thành phố B, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ, biển kiểm soát 95B1-485.29 (tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 21/8/2023) trị giá 15.125.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Sáng ngày 27/10/2023, Phan Minh Q điều khiển xe mô tô hiệu Satria màu đỏ đen, biển số 83E1-359.49 của Q chở T3 đi từ quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đến huyện B, tỉnh Bình Dương tìm tài sản chiếm đoạt. Khi đi đến đoạn đường M - T thuộc thành phố T, tỉnh Bình Dương, cả hai phát hiện chị Vũ Thị Thu P điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vison màu đỏ, biển số 93P2-345.63 có treo 01 túi xách (bên trong có 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A5, số tiền 300.000 đồng và một số giấy tờ cá nhân) tại cổ xe, chạy phía trước cùng chiều. Q liền điều khiển xe bám theo chị P để tìm cơ hội chiếm đoạt túi xách. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi đến đoạn đường M - T thuộc khu vực ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, Q thấy vắng người nên điều khiển xe mô tô biển số 83E1-359.49 vượt lên, ép trước đầu xe mô tô biển số 93P2-345.63 làm xe và chị P ngã vào lề đường. T3 liền nhảy xuống, chạy lại dùng tay và chân đánh đá chị P, rồi lấy túi xách của chị P, lên xe mô tô biển số 83E1-359.49 cho Q chạy tẩu thoát. Sau đó, T3 mang điện thoại của chị P bán được 1.500.000 đồng rồi chia cho Quân số tiền 750.000 đồng.

Đến ngày 18/12/2023, chị P đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B trình báo sự việc. Đối với túi xách không rõ nhãn hiệu, chị P không xác định được giá trị.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 94/KL-HĐĐGTS ngày 20/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện B: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5, màu trắng (bị chiếm đoạt) trị giá 1.550.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 USB chứa đoạn camera dài 20 phút ghi lại cảnh nghi vấn do anh Nguyễn Văn C giao nộp, 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 95B1-485.29 do anh Vũ Văn V giao nộp, 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria F150, biển số 83E1-359.49, 01 nón bảo hiểm màu đen và 01 áo khoác vải màu đen của Phan Minh Q.

Quá trình điều tra, ban đầu Phan Minh Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập có được trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, sau đó Q khai Q không thực hiện hành vi phạm tội. Đối với xe mô tô hiệu Satria màu đỏ đen, biển số 83E1-359.49, Q khai là xe của Q mua trả góp của công ty T6. Đến ngày 22/3/2024, Q còn nợ số tiền 14.133.729 đồng, Q đồng ý trả lại số tiền này cho Công ty T6.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HSST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Áp dụng điểm d, h khoản 2 Điều 168; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 53; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phan Minh Q;

Xử phạt bị cáo Phan Minh Q 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 01/02/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 468, 584, 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 19/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Buộc bị cáo Phan Minh Q phải bồi thường cho bị hại Vũ Thị Thu P số tiền 2.350.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria F150, biển số 83E1-359.49 của bị cáo Phan Minh Q;

- Tịch thu tiêu hủy đối với 01 nón bảo hiểm màu đen và 01 áo khoác vải màu đen;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 02 năm 2025, bị cáo Phan Minh Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và cho rằng bị cáo không phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi cướp tài sản.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương trong phần tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Không thống nhất tội danh và hình phạt do đại diện Viện kiểm sát đưa ra. Viện kiểm sát buộc tội không có cơ sở, chưa có đủ cơ sở và bằng chứng chứng minh đầy đủ về hành vi phạm tội của bị cáo. Về nội dung và tình tiết chứng cứ, quy trình tố tụng: Bị cáo thay đổi lời khai. Không thể chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo để buộc tội và không cho bị cáo thay đổi lời khai. Việc bị cáo thay đổi lời khai là quyền tố tụng của bị cáo. Không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để buộc tội, kết tội. Thời gian, không gian diễn ra tội phạm là không thống nhất. Lời khai của bị cáo và bị hại không khớp nhau. Dù dựng lại hiện trường vẫn không thể nào chứng minh được điều gì. Bị hại không xác định được bị cáo thực hiện hành vi cướp tài sản. Những tang vật vụ án là những xe máy do bị cáo Q giữ vào một thời điểm nào đó không có nghĩa chứng minh được việc bị cáo cướp tài sản đó. Cơ

quan tiến hành tố tụng chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ và hoàn toàn chưa chứng minh được hành vi của bị cáo, chưa thể khẳng định được bị cáo là người cướp tài sản và cũng chưa xác định được có đồng phạm hay không. Bị cáo khai bị bức cung, bị cáo yêu cầu giám định. Kết quả giám định chỉ là một phần rất nhỏ và chưa đầy đủ. Còn nhiều tình tiết có sự vi phạm tố tụng. Phía cơ quan tố tụng đưa ra các tài liệu chứng cứ có tính chấp vá, tùy tiện và không phù hợp với quy định pháp luật. Kiến nghị Tòa án tuyên trả hồ sơ điều tra bổ sung là phù hợp quy định pháp luật, tránh oan sai.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: mong Hội đồng xét xử xem xét vì bị cáo không thực hiện hành vi cướp tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng và thành phố B, Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, tại phiên tòa, bị cáo Q cho rằng toàn bộ lời khai nhận tội của bị cáo tại các Biên bản lấy lời khai, Biên bản hỏi cung bị can được thực hiện tại Nhà tạm giữ và trước khi ghi hình lấy lời khai của Cơ quan điều tra Công an huyện B là do bị cáo bị cán bộ điều tra mớm cung, khai theo sự chỉ dẫn của cán bộ điều tra và bị cáo bị điều tra viên Nguyễn Lương H1 thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đánh bị cáo. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã triệu tập Điều tra viên tham gia phiên tòa để trình bày các vấn đề liên quan đến vụ án theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều tra viên Nguyễn Lương H1 khẳng định không có việc ép cung, mớm cung hoặc đánh bị cáo. Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B và huyện B thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiếu khám sức khỏe ngày 01/02/2024 của Nhà tạm giữ Công an thành phố B thể hiện tình trạng sức khỏe của bị cáo bình thường, không ghi nhận vết thương tích bất thường nào, đã được bị cáo xác nhận tại biên bản. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để xác định bị cáo bị mớm cung, ép cung hay bị đánh đập khi lấy lời khai và hỏi cung.

[4] Về 02 Bản tự khai ngày 01/02/2024, bị cáo cho rằng không phải bị cáo khai, bị cáo không ký và ghi tên Phan Minh Q; bị cáo và người bào chữa cho bị cáo yêu cầu giám định lại vì cho rằng không tin tưởng Kết luận giám định số 167/KL-KTHS (TL) ngày 27/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh B, chỉ tin tưởng kết luận giám định của Bộ C1. Xét thấy, việc giám định được Phòng K Công an tỉnh B thực hiện đúng trình tự thủ tục và chịu trách nhiệm về kết luận nêu trên theo quy định tại Điều 100 Bộ luật Tố tụng hình sự nên việc bị cáo và người bào chữa yêu cầu giám định lại là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với hành vi phạm tội bị cáo Phan Minh Q, tại phiên toà sơ thẩm, cũng như phúc thẩm, bị cáo Q không thừa nhận hành vi phạm tội. Xét thấy, trong quá trình điều tra, các biên bản lời khai của bị cáo Q từ ngày 01/02/2024 đến ngày 29/5/2024, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Các lời khai này của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập đúng trình tự thủ tục tố tụng; bị cáo đã đồng ý bồi thường cho bị hại Vũ Thị Thu P số tiền bị cáo chiếm đoạt 2.350.000 đồng, đồng ý bồi thường số tiền thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông V số tiền 14.000.000 đồng. Trong các Biên bản lời khai ngày 31/01/2024, Biên bản hỏi cung ngày 02/02/2024, 22/02/2024, 01/3/2024 và ngày 16/5/2024 bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội, tại mỗi biên bản bị cáo đều xác nhận chữ ký và chữ viết tên Phan Minh Q là do bị cáo ký và ghi ra, đã đọc lại và xác nhận đã đúng nội dung khai nhận. Cũng như đối với 02 Bản tự khai ngày 01/02/2024, tại phiên toà bị cáo cho rằng không phải bị cáo khai, không có ký và ghi tên Phan Minh Q, tuy nhiên Kết luận giám định số 167/KL-KTHS (TL) ngày 27/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh B đã kết luận chữ ký, chữ viết mang tên Phan Minh Q1 trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đúng tên Phan Minh Q trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký và viết ra.

[6] Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo thừa nhận ngày 21/8/2023 và ngày 27/10/2023, bị cáo đi trên đường M - T và hình ảnh 02 đôi tượng trong hình ảnh trích xuất từ camera đang sử dụng xe mô tô biển số 83E1-359.49 lưu thông trên đường là bị cáo, bị cáo mặc trang phục màu đen và là người trực tiếp điều khiển xe. Bị cáo cho rằng bị cáo chở người yêu là chị Thị H2 đi trên đường M - T nhưng lời khai của chị Thị H2 cho rằng có đi cùng bị cáo nhưng không phải như thời gian, địa điểm mà bị cáo đã khai và Thị H2 nhận dạng được người điều khiển xe mô tô là bị cáo nhưng không nhận dạng được người ngồi phía sau trong hình ảnh trích xuất được từ camera nêu trên.

[7] Theo Biên bản xác định hiện trường lập ngày 01/02/2024 và Bản ảnh kèm theo thể hiện người xác định hiện trường là bị cáo trùng khớp với hiện trường do bị hại T5 và người làm chứng H xác định. Bị cáo cho rằng bị cáo không phải là người xác định hiện trường mà do cơ quan điều tra và bị hại tự xác định là không có căn cứ.

[8] Tại biên bản thu giữ tài sản của bị cáo Q giao nộp gồm: 01 nón bảo hiểm màu đen và 01 áo khoác vải màu đen phù hợp với hình ảnh trích xuất từ camera thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

[9] Tại các biên bản nhận dạng của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Hải G là chủ tiệm cầm đồ xác nhận: bị cáo Q là người đi cầm chiếc xe mô tô hiệu Vission biển số 95B1-485.29 cùng với căn cước công dân của bị cáo Q và chị T5 đến cửa hàng cho ông G cầm chiếc xe với số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai chiếc xe mô tô hiệu Vission biển số 95B1-485.29 là do một người tên L nhờ bị cáo đi cầm đồ. Tuy nhiên, bị cáo không cung cấp được thời gian, không gian, họ tên, nhân thân, lai lịch và địa chỉ của đối tượng tên L này, cũng như những người quen biết bị cáo và đối tượng tên L này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xác định lời khai này của bị cáo là sự thật.

[10] Qua phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định những tài liệu, chứng cứ trên phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra của bị cáo, lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng với các biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản thu giữ tài sản, biên bản nhận dạng, kết luận giám định. Qua đó, xác định hành vi Phan Minh Q đã đủ yếu tố cấu thành tội cướp tài sản theo Điều 168 Bộ luật Hình sự.

[11] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản, sức khỏe, tính mạng của cá nhân một cách trái pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo sử dụng xe máy để đập ngã xe bị hại là thuộc trường hợp sử dụng phương tiện nguy hiểm. Tại Bản án số 23/2014/HSST ngày 12/3/2014 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương kết án về tội cướp tài sản (tội phạm rất nghiêm trọng), bị cáo chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới do cố ý là loại tội phạm rất nghiêm trọng nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Xét thấy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết để tuyên phạt buộc bị cáo Phan Minh Q phạm tội Cướp tài sản theo quy định tại điểm d, h khoản 2 Điều 168 BLHS với mức án 08 năm 6 tháng tù là có căn cứ và phù hợp, với mức hình phạt trên đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Vì những lẽ trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[12] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2025/HSST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương là có căn cứ nên được chấp nhận.

[13] Lời bào chữa của người bào chữa tại phiên tòa phúc thẩm không có căn cứ và không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[14] Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[15] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Minh Q; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HS-ST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Minh Q phạm tội: “Cướp tài sản”.

Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm d, h khoản 2 Điều 168; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 53; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Minh Q 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 01/02/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 468, 584, 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 19/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo Phan Minh Q phải bồi thường cho bị hại Vũ Thị Thu P số tiền 2.350.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria F150, biển số 83E1-359.49 của bị cáo Phan Minh Q;

- Tịch thu tiêu hủy đối với 01 nón bảo hiểm màu đen và 01 áo khoác vải màu đen;

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/7/2024 giữa Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát).

5. Về án phí:

Buộc bị cáo Phan Minh Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

